

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 152/2017/HSST
Ngày 15-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
2. Bà Nguyễn Thị Luyến.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng
mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 139/2017/HSST
ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H (tên gọi khác: T), sinh năm 1997 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn
Tr, xã QT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ
văn hóa: Lớp 8/12; con ông Đỗ Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm
1963; chưa có chồng, có 01 con sinh ngày 19/3/2015; tiền án: Bản án số
56/2016/HSST ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 năm
06 tháng về tội Mua bán người (chưa chấp hành án); tiền sự: Không; bị bắt, tạm
giữ ngày 10/5/2017 đến ngày 19/5/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi
nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trịnh Thị Dương – Luật sư Công ty Luật
TNHH Trịnh Khắc Triệu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; ĐKKHKT: Tổ 10 khu 2,
phường TC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Xóm BC, xã DQ, huyện TN,
thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại: Bà Đặng Thị Minh
Loan - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hải Phòng; có
mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền ăn tiêu nên Nguyễn Thị H (tên thường gọi là T) nảy sinh ý định đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán lấy tiền. Khoảng cuối tháng 9/2015, H quen biết với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998, ĐKHKT: Tổ 10 khu 2 phường TC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh và Bùi Văn S, sinh năm 1978, ĐKHKT: Xã HT, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngày 01/10/2015 H đến nhà nghỉ 999 ở xã QT, huyện TN, thành phố Hải Phòng chơi cùng S và L. Tại đây, L tâm sự với H đang buồn chuyện gia đình và muốn sang Trung Quốc tìm việc làm. H nảy sinh ý định lừa đưa chị L sang Trung Quốc bán lấy tiền nên đã nói dối chị L là để H dẫn sang Trung Quốc tìm việc làm, chị L tưởng thật nên đồng ý. Khoảng 0h30' ngày 02/10/2015, H thuê xe taxi của anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1987, ĐKHKT: Thôn 9, xã Kỳ Sơn, huyện TN, thành phố Hải Phòng đến đón chị L ở trước cửa quán bar Bắc Mật thuộc thị trấn ND, huyện TN rồi chở ra thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh. Đến nơi, H thuê 01 phòng nghỉ ở nhà nghỉ Dũng Nam thuộc phường KL, thành phố MC cho cả ba người nghỉ. Sáng ngày 02/10/2015, H thuê xe ôm của anh Doãn Đình L1 ở phường KL, thành phố MC chở H cùng chị L ra bến đò và đi đò qua sông sang Đông Hưng, Trung Quốc. Khi sang đến nơi, H đến bến xe Đông Hưng tìm gặp một người đàn ông làm nghề lái xe taxi để nhờ bán chị L. Người lái taxi đưa H và chị L đến nhà một phụ nữ người Việt Nam ở khu vực Lầy Châu, thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, để chị L ở lại nhà người phụ nữ trên và trả cho H số tiền 2.500 nhân dân tệ, sau đó H quay về Việt Nam.

Chị L trình bày sau khi ở lại nhà người phụ nữ tên là N, chị bị ép bán dâm và bị bán qua nhiều chủ khác nhau. Đến ngày 23/4/2017, gia đình chị L đã nhờ người ở Trung Quốc tìm được và đưa chị L trốn về Việt Nam, sau đó đến Cơ quan Công an trình báo.

Ngày 10/5/2017, H bị Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp. Quá trình điều tra, H khai nhận hành vi lừa bán chị L sang Trung Quốc như nội dung trên và khai: Năm 2012 H làm việc tại Đông Hưng, Trung Quốc nên có quen biết người đàn ông lái xe taxi nêu trên. Người này nói có nhu cầu tìm phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc lấy chồng, nếu tìm được một người đưa sang thì sẽ được số tiền khoảng từ 2.500 đến 3.000 nhân dân tệ. H đồng ý, sau đó về Việt Nam tìm phụ nữ để đưa sang Trung Quốc bán cho người này. H chỉ có mục đích bán chị L đi lấy chồng Trung Quốc, không biết việc chị L bị ép bán dâm. Số tiền bán chị L, H đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 8 triệu đồng, trả tiền taxi cho anh T1 hết 2.500.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra H còn khai: Khoảng giữa năm 2015, H lừa đưa một phụ nữ tên Hoa, sinh năm 1992, nhà ở xã Minh Tân, huyện TN, thành phố Hải Phòng sang Trung Quốc bán được số tiền là 3.000 nhân dân tệ.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu H bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm, tinh thần và sức khỏe số tiền là 300.000.000 đồng. Hiện tại, H chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 139/CT-VKS-P2 ngày 03/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Mua bán người" theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời, bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận thống nhất về việc bồi thường dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường 300.000.000 đồng cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị H với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Mua bán người”. Tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán người” của Bản án số 56/2016/HSST ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 năm 06 tháng tù đến 14 năm 06 tháng tù.

Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa: Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, đồng thời xem xét việc tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận về việc bồi thường, do việc thỏa thuận là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Bùi Văn S, Doãn Đình Lương và Trịnh Văn T1 không biết mục đích của H đưa chị L từ huyện TN, thành phố Hải Phòng đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, sau đó đi đò sang Trung Quốc để lừa bán chị L. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người lái xe taxi ở khu vực bến xe Đông Hưng, Trung Quốc và người phụ nữ tên Nga sống tại Trung Quốc đã mua chị L, Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị Cục Đối ngoại - Bộ Công An phối hợp với Công an Trung Quốc xác

minh, ghi lời khai nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về việc H khai nhận vào khoảng giữa năm 2015 đã lừa bán người phụ nữ tên Hoa nhà ở xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm người bị hại, nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân của chị Hoa nên chưa có cơ sở để xử lý đối với H. Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập tài liệu chứng cứ, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của người bị hại; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại; lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 02/10/2015, Nguyễn Thị H đã có hành vi lừa đưa chị Nguyễn Thị L sang Trung Quốc bán để hưởng lợi số tiền 2.500 nhân dân tệ, tương đương 08 triệu đồng tiền Việt Nam. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Mua bán người" theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm danh dự nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ, mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử lý thật nghiêm khắc.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi lừa đưa chị L ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nên phạm tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, người bị hại đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 56/2016/HSST ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 năm 06 tháng về tội Mua bán người (chưa chấp hành án). Do lần phạm tội này xảy ra trước khi bị cáo bị xét xử tại Bản án số 56/2016/HSST nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

"Tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách L bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo có 01 tiền án chưa chấp hành án nên cần áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án (trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ từ ngày 19/7/2016 đến ngày 22/7/2016 của Bản án số 56/2016/HSST ngày 01/12/2016 và những ngày bị tạm giữ của lần phạm tội này).

Bị cáo có hành vi bán chích L nhằm mục đích hưởng lợi nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.500 tệ, quy đổi tương đương 8.000.000 đồng tiền Việt Nam. Ngoài ra, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Ghi nhận một phần đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại: Chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại.

Về dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm, tinh thần và sức khỏe số tiền là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận việc thỏa thuận bồi thường này, buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại 300.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Mua bán người".

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị H 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán người". Tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán người" của Bản án số 56/2016/HSST ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 10/5/2017 đến ngày 19/5/2017 của lần phạm tội này và thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/7/2016 đến ngày 22/7/2016 của Bản án số 56/2016/HSST ngày 01/12/2016).

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.500 (*Hai nghìn năm trăm*) tệ, quy đổi tương đương 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng tiền Việt Nam.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt, tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho người bị hại số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng gồm tất cả các khoản theo đề nghị của người bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, người bị hại (có mặt) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn

